



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN (ĐK 576)**  
**MIEN TRUNG TAY NGUYEN VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY (ĐK 576)**



**Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam**  
**Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam**  
**Hotline: 0914 08 18 89 Email: info@mitest.vn Website: mitest.vn**

# GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): **MT-LV0725/11**

1. Phương tiện đo (Object): **PHƯƠNG TIỆN ĐO LỰC NÉN (CUNG LỰC MÁY CBR)**
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **TRUNG QUỐC**
3. Kiểu (Type): **CBR-1** Số (Serial No.): **6036** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

|   |  |
|---|--|
| Giá trị thang đo danh nghĩa lớn nhất (Maximum nominal scale value): | <b>50 kN</b>                                   |
| Đồng hồ đo biến dạng (Strain gauge):                                | - Phạm vi đo (Range): <b>(0 ÷ 10) mm</b>       |
|   | - Giá trị vạch chia (Division): <b>0,01 mm</b> |
|   | - Số hiệu (Serial No.): <b>550187</b>          |

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG VIỆT**  
Địa chỉ (Address): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**
6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**
7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-058**
8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Mã nhận dạng ID | Thông tin thiết bị (Description)                                      | Liên kết chuẩn (Traceable to) | Hiệu lực đến (Due date) |
|-----------------|---|-------------------------------|-------------------------|
| MT-LC10-01      | Loadcell Và Bộ Chỉ Thị 100 kN/<br>Tension Loadcell & Indicator 100 kN | VMI                           | 31/10/2025              |

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(18 ÷ 28) °C** < **80 %RH**
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **30/07/2025**
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommended): **30/07/2026**
12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-LV0725/11**
13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): **Xem trang sau**

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 Số chứng thực: **1009203** quyền số: **2025 - SCT/BS**

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 07 năm 2025

Ngày: **12-08-2025**

(Date of issue)

**TP. HIỆU CHUẨN**

**KT. GIÁM ĐỐC**

(Head of calibration laboratory)

(PP. Director)

**LÊ TUẤN TRIỀU**

MITEST-058-02 (BH 04; 15/05/2025)



**PGĐ. Đỗ Quang Trọng**

Page 1/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instruments only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sóng Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**CÔNG CHỨNG HIỆU CHUẨN**  
**Hà Thị Tâm**

Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam  
Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam  
Hotline: 0914 08 18 89 Email: info@mitest.vn Website: mitest.vn

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.):

MT-LV0725/11

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

| Giá trị đọc trên phương tiện đo/<br>Reading on tester<br>(Vạch x 0,01 mm) | Giá trị trung bình đọc trên<br>phương tiện chuẩn/<br>Average reading on equipment<br>(kN) | Độ KĐBĐ/<br>Uncertainty<br>(%) |
|---|---|--------------------------------|
| 0   | 0,000   | -                              |
| 20  | 4,480   | 0,40                           |
| 40  | 8,526   | 0,40                           |
| 60  | 12,615  | 0,40                           |
| 80  | 16,681  | 0,40                           |
| 100   | 20,745  | 0,40                           |
| 120   | 24,767  | 0,40                           |
| 140   | 28,878  | 0,40                           |
| 160   | 32,946  | 0,40                           |
| 180   | 36,995  | 0,40                           |
| 200   | 41,022  | 0,40                           |

Phương trình hiệu chuẩn/ Calibration equation :  $y = 0,2032x + 0,4179$

Ghi chú 1/ Notes 1:

+ y: Giá trị tính toán/Calculated value, (kN)

+ x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/Reading value, (Vạch x 0,01 mm)

Ghi chú 2/ Notes 2:

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , độ tin cậy  $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor  $k = 2$ , providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " \* " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " \* " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

---Hết/ End---

MITEST-058-02 (BH 04; 15/05/2025)

Page 2/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh  
VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sóng Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-LV0725/09

1. Phương tiện đo (Object): **CÀN BENKENMAN**
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **KD**
3. Kiểu (Type): **BB95** Số (Serial No.): **13777** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

|                                  |                                 |                 |           |
|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|-----------|
| Tỷ lệ cần (Need ratio):          | <b>1:2</b>                      |                 |           |
| Bộ phận hiển thị (Display part): | - Phạm vi đo (Range):           | <b>(0 ÷ 10)</b> | <b>mm</b> |
|                                  | - Giá trị vạch chia (Division): | <b>0,01</b>     | <b>mm</b> |
|                                  | - Số hiệu (Serial No.):         | <b>N/A</b>      |           |

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG VIỆT**  
Địa chỉ (Address): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**
6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**
7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-014**
8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Mã nhận dạng ID | Thông tin thiết bị (Description)                         | Liên kết chuẩn (Traceable to) | Hiệu lực đến (Due date) |
|-----------------|--|-------------------------------|-------------------------|
| MT-GBS-01       | Bộ Cẩn Mẫu Song Phẳng Cấp 0/<br>Gage Blocks Set Grande 0 | QUATEST 3                     | 17/02/2027              |

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(20 ± 3) °C** **(50 ± 15) %RH**
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **30/07/2025**
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommended): **30/07/2026**
12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-LV0725/09**
13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): **Xem trang sau**

**CHỨNG NHẬN SẴN SÀO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: **1009103** quyền số: **03** Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 07 năm 2025

Ngày: **12-08-2025**

(Date of issue)

**TP. HIỆU CHUẨN**

**KT. GIÁM ĐỐC**

(Head of Calibration Laboratory)

(PP. Director)

**LÊ TUẤN TRIỀU**

**PGĐ. Đỗ Quang Trọng**

MITEST-014-02 (BH 03; 15/05/2025)

Page 1/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trên giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-LV0725/09

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

| Giá trị chuẩn/<br>Standards value<br>(mm) | Giá trị chỉ thị/<br>Indication value<br>(mm) | Tỷ lệ/<br>Ratio<br>(1 : 2) mm | Sai số/<br>Error<br>(%) | Độ KĐBB/<br>Uncertainty<br>(mm) |
|---|--|-------------------------------|-------------------------|---------------------------------|
| 1   | 0,50   | 0,50                          | 0,00                    | 0,0058                          |
| 2   | 1,00   | 1,00                          | 0,00                    | 0,0058                          |
| 5   | 2,50   | 2,50                          | 0,00                    | 0,0058                          |
| 10  | 5,01   | 5,00                          | 0,20                    | 0,0058                          |

### Ghi chú/ Notes :

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , độ tin cậy  $P = 95\%$  / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor  $k = 2$ , providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " \* " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017 / The " \* " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng / Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác / This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 / This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8 / Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---



## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-LV0725/10

1. Phương tiện đo (Object): **PHƯƠNG TIỆN ĐO LỰC NÉN (CUNG LỰC MÁY NÉN MARSHALL)**
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **TRUNG QUỐC**
3. Kiểu (Type): **LWD-1** Số (Serial No.): **24127** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

|   |  |
|---|--|
| Giá trị thang đo danh nghĩa lớn nhất (Maximum nominal scale value): | <b>30 kN</b>                                   |
| Đồng hồ đo biến dạng (Strain gauge):                                | - Phạm vi đo (Range): <b>(0 ÷ 5) mm</b>        |
|   | - Giá trị vạch chia (Division): <b>0,01 mm</b> |
|   | - Số hiệu (Serial No.): <b>7062596</b>         |

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG VIỆT**  
Địa chỉ (Address): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**
6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**
7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-058**
8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Mã nhận dạng ID | Thông tin thiết bị (Description)                                      | Liên kết chuẩn (Traceable to) | Hiệu lực đến (Due date) |
|-----------------|---|-------------------------------|-------------------------|
| MT-LC10-01      | Loadcell Và Bộ Chỉ Thị 100 kN/<br>Tension Loadcell & Indicator 100 kN | VMI                           | 31/10/2025              |

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(18 ÷ 28) °C** < 80 %RH
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **30/07/2025**
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommended): **30/07/2026**
12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-LV0725/10**
13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): Xem trang sau

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 10091 quyền 03/2025 SGT/BS  
Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 07 năm 2025

(Date of issue)

**TP. HIỆU CHUẨN**

(Head of calibration laboratory)

**LÊ TUẤN TRIỀU**

MITEST-058-02 (BH 04; 15/05/2025)

**KT. GIÁM ĐỐC**

(PP. Director)

**PGĐ. Đỗ Quang Trọng**

Page 1/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): **MT-LV0725/10**

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

| Giá trị đọc trên phương tiện đo/<br>Reading on tester<br>(Vạch x 0,01 mm) | Giá trị trung bình đọc trên<br>phương tiện chuẩn/<br>Average reading on equipment<br>(kN) | Độ KĐBĐ/<br>Uncertainty<br>(%) |
|---|---|--------------------------------|
| 0   | 0,000   | -                              |
| 20  | 2,602   | 0,40                           |
| 40  | 5,068   | 0,40                           |
| 60  | 7,510   | 0,40                           |
| 80  | 9,943   | 0,40                           |
| 100   | 12,397  | 0,40                           |
| 120   | 14,896  | 0,40                           |
| 140   | 17,366  | 0,40                           |
| 160   | 19,786  | 0,40                           |
| 180   | 22,266  | 0,40                           |
| 200   | 24,568  | 0,40                           |
| Phương trình hiệu chuẩn/ Calibration equation : $y = 0,1225x + 0,1655$    |   |                                |

**Ghi chú 1/ Notes 1:**

- + y: Giá trị tính toán/Calculated value , (kN)
- + x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/Reading value , (Vạch x 0,01 mm)

**Ghi chú 2/ Notes 2:**

- a. Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, độ tin cậy P = 95%/ The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor k = 2, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- b. Dấu " \* " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " \* " is an unaccredited test ISO 17025: 2017 .
- c. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- d. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- e. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- f. Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.



---Hết/ End---

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST  
 The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin  
 Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh  
 VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà – Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-LV0725/03

1. Phương tiện đo (Object): **VÒNG LỰC MÁY CẮT PHẪNG**  
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **TRUNG QUỐC**  
3. Kiểu (Type): **ZJ** Số (Serial No.): **E3863** ID: **N/A**  
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

|   |   |
|---|---|
| Giá trị thang đo danh nghĩa lớn nhất (Maximum nominal scale value): | (0 ÷ 1,2) kN                            |
| Đồng hồ đo biến dạng (Strain gauge):                                | - Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 10) mm       |
|   | - Giá trị vạch chia (Division): 0,01 mm |
|   | - Hãng sản xuất (Manufacturer): 69254   |

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG VIỆT**  
Địa chỉ (Address): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**  
6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**  
7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-058**  
8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Mã nhận dạng ID | Thông tin thiết bị (Description)                                      | Liên kết chuẩn (Traceable to) | Hiệu lực đến (Due date) |
|-----------------|---|-------------------------------|-------------------------|
| MT-LC10-01      | Loadcell Và Bộ Chỉ Thị 100 kN/<br>Tension Loadcell & Indicator 100 KN | VMI                           | 31/10/2025              |

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): (18 ÷ 35) °C < 80 %RH  
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): 30/07/2025  
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommended): 30/07/2026  
12. Tem hiệu chuẩn (Stampe calibration): **MT-LV0725/03**  
13. Kết quả hiệu chuẩn (Results calibration): Xem trang sau

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực...10087...quyển 03...-SCT/BS  
Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 07 năm 2025 (Date of issue)

TP. HIỆU CHUẨN  
(Head of calibration laboratory)

Ngày: 12 - 8 - 2025

KT. GIÁM ĐỐC  
(PP. Director)



LÊ TUẤN TRIỀU

CÔNG CHỨNG QUẢNG  
Hà Thị Tâm

PGĐ. Đỗ Quang Trang

MITEST-058-02 (BH 04; 15/05/2025)

Page 1/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instruments only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sóng Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): **MT-LV0725/03**

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

| Giá trị đọc trên phương tiện<br>đo/<br>Reading on tester<br>(vạch x 0.01mm) | Giá trị trung bình đọc trên<br>phương tiện chuẩn/<br>Average reading on equipment<br>(kN) | Độ KĐBĐ/<br>Uncertainty<br>(%) |
|---|---|--------------------------------|
| 0   | 0,000   | -                              |
| 20  | 0,106   | 0,88                           |
| 40  | 0,223   | 0,60                           |
| 60  | 0,334   | 0,41                           |
| 80  | 0,446   | 0,40                           |
| 100   | 0,555   | 0,40                           |
| 120   | 0,662   | 0,40                           |
| 140   | 0,771   | 0,40                           |
| 160   | 0,872   | 0,40                           |
| 180   | 0,977   | 0,40                           |
| 200   | 1,136   | 0,40                           |

Phương trình hiệu chuẩn/Calibration equation :  $y = 0,0071x + 0,0039$

**Ghi chú/ Notes :**

- + y: Giá trị tính toán/Calculated value , (kN)
- + x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/Reading value , (vạch x 0.01 mm)
- a. Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, độ tin cậy P = 95%/ The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor k = 2, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- b. Dấu " \* " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " \* " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- c. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- d. Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp dựa trên NSX, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity assessment are based on Maker, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.
- e. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- f. Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

---Hết/ End---

MITEST-058-02 (BH 04; 15/05/2025)

Page 2/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST  
 The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin  
 Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh  
 VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



# GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-LV0725/07

1. Phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO**
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **MITUTOYO - NHẬT BẢN**
3. Kiểu (Type): **3058S-19** Số (Serial No.): **LHL694** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

|                             |                    |                          |                |
|-----------------------------|--------------------|--------------------------|----------------|
| Thang đo (Measuring range): | <b>(0 ÷ 50) mm</b> | Độ phân giải (Division): | <b>0,01 mm</b> |
|-----------------------------|--------------------|--------------------------|----------------|

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG VIỆT**  
Địa chỉ (Address): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**
6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**
7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-014**
8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Mã nhận dạng ID | Thông tin thiết bị (Description)                         | Liên kết chuẩn (Traceable to) | Hiệu lực đến (Due date) |
|-----------------|--|-------------------------------|-------------------------|
| MT-GBS-01       | Bộ Căn Mẫu Song Phẳng Cấp 0/<br>Gage Blocks Set Grande 0 | QUATEST 3                     | 02/2027                 |

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(20 ± 3) °C** **(50 ± 15) %RH**
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **30/07/2025**
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommended): **30/07/2026**
12. Tem hiệu chuẩn (Calibration label): **MT-LV0725/07**
13. Kết quả hiệu chuẩn (Results calibration): **Xem trang sau**

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 07 năm 2025

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực.....quyển số..... - SCT/BS

**TP. HIỆU CHUẨN**

(Head of Calibration Laboratory)

**KT. GIÁM ĐỐC**

(PP. Director)

Ngày: **12 - 8 - 2025**

*[Signature]*



*[Signature]*  
**PGĐ. Đỗ Quang Trọng**

**LÊ TUẤN TRIỀU**

**CÔNG CHỨNG VIÊN**

MITEST-014-02 (BH 03; 15/05/2025)

Page 1/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST  
The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST  
2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin  
Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration  
VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh  
VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-LV0725/07

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

| Giá trị chuẩn/<br>Standard value<br>(mm) | Giá trị chỉ thị/<br>Indication value<br>(mm) | Sai số/<br>Error<br>(mm) | Độ KĐBĐ/<br>Uncertainty<br>(mm) |
|--|--|--------------------------|---------------------------------|
| 1,00003                                  | 1,00   | 0,00                     | 0,0013                          |
| 5,00005                                  | 5,00   | 0,00                     | 0,0013                          |
| 10,00012                                 | 10,00  | 0,00                     | 0,0013                          |
| 20,00009                                 | 20,01  | 0,01                     | 0,0013                          |
| 25,00014                                 | 25,01  | 0,01                     | 0,0013                          |
| 50,00005                                 | 50,01  | 0,01                     | 0,012                           |

### Ghi chú/ Notes :

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , độ tin cậy  $P = 95\%$  / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor  $k = 2$ , providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " \* " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017 / The " \* " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng / Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác / This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 / This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8 / Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---



## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-LV0725/08

1. Phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO**
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **MITUTOYO - NHẬT BẢN**
3. Kiểu (Type): **3058S-19** Số (Serial No.): **LFR451** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

|                             |                    |                          |                |
|-----------------------------|--------------------|--------------------------|----------------|
| Thang đo (Measuring range): | <b>(0 ÷ 50) mm</b> | Độ phân giải (Division): | <b>0,01 mm</b> |
|-----------------------------|--------------------|--------------------------|----------------|

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG VIỆT**  
Địa chỉ (Address): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**
6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**
7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-014**
8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Mã nhận dạng ID | Thông tin thiết bị (Description)                         | Liên kết chuẩn (Traceable to) | Hiệu lực đến (Due date) |
|-----------------|--|-------------------------------|-------------------------|
| MT-GBS-01       | Bộ Căn Mẫu Song Phẳng Cấp 0/<br>Gage Blocks Set Grande 0 | QUATEST 3                     | 02/2027                 |

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(20 ± 3) °C** **(50 ± 15) %RH**
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **30/07/2025**
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommended): **30/07/2026**
12. Tem hiệu chuẩn (Calibration label): **MT-LV0725/08**
13. Kết quả hiệu chuẩn (Results calibration): **Xem trang sau**

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 07 năm 2025

(Date of issue)

**KT. GIÁM ĐỐC**

(PP. Director)

**TP. HIỆU CHUẨN**  
(Head of Calibration Laboratory)  
**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: **10086** ngày số: **03** - SCT/BS

Ngày: **12-8-2025**



**PGĐ. Đỗ Quang Trạng**

**LÊ TUẤN TRIỀU**

**CÔNG CHỨNG VIÊN**

MITEST-014-02 (BH 03; 15/05/2025)

Page 1/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN (ĐK 576)

MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY (ĐK 576)

Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam

Hotline: 0914 08 18 89

Email: info@mitest.vn

Website: mitest.vn



## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-LV0725/08

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

| Giá trị chuẩn/<br>Standard value<br>(mm) | Giá trị chỉ thị/<br>Indication value<br>(mm) | Sai số/<br>Error<br>(mm) | Độ KĐBĐ/<br>Uncertainty<br>(mm) |
|--|--|--------------------------|---------------------------------|
| 1,00003                                  | 1,00   | 0,00                     | 0,0013                          |
| 5,00005                                  | 5,00   | 0,00                     | 0,0013                          |
| 10,00012                                 | 10,00  | 0,00                     | 0,0013                          |
| 20,00009                                 | 20,00  | 0,00                     | 0,0013                          |
| 25,00014                                 | 25,01  | 0,01                     | 0,0013                          |
| 50,00005                                 | 50,01  | 0,01                     | 0,012                           |

### Ghi chú/ Notes :

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , độ tin cậy  $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor  $k = 2$ , providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " \* " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " \* " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---

MITEST-014-02 (BH 03; 15/05/2025)

Page 2/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-LV0725/06

1. Phương tiện đo (Object): ĐỒNG HỒ ĐO ÁP SUẤT
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): TRUNG QUỐC
3. Kiểu (Type): LÒ XO Số (Serial No.): 01830127 ID: N/A
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):  
Thang đo (Measuring range): (0 ÷ 60) MPa Độ phân giải (Division): 1 MPa
5. Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG VIỆT  
Địa chỉ (Address): 146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng
6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): 146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng
7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MITEST-055
8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Mã nhận dạng<br>ID | Thông tin thiết bị<br>(Description)                                 | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|--------------------|---|----------------------------------|----------------------------|
| MT-PC700-01        | Áp Kế Điện Tử Nagman 700 bar/<br>Pressure Calibrator Nagman 700 bar | SMEQ                             | 31/08/2025                 |

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): (20 ± 5) °C < 80 %RH
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): 30/07/2025
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommended): 30/07/2026
12. Tem hiệu chuẩn (Stampe calibration): MT-LV0725/06
13. Kết quả hiệu chuẩn (Results calibration): Xem trang sau

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 07 năm 2025

(Date of issue)

TP. HIỆU CHUẨN

(Head of Calibration Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC

(PP. Director)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 10004... quyền số: 03... 877712-CTCP

Ngày: 12-8-2025

LÊ TUẤN TRIỀU



PGĐ. Đỗ Quang Trọng

CÔNG CHỨNG VIÊN  
Hà Thị Tâm

MITEST-055-02 (BH 03; 15/05/2025)

Page 1/3

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sóng Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN (ĐK 576)

MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY (ĐK 576)

Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam

Hotline: 0914 08 18 89

Email: info@mitest.vn

Website: mitest.vn



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.):

MT-LV0725/06

Kiểm tra độ chính xác áp suất/ Pressure accuracy test

| Chức năng/<br>Function     | Giá trị chỉ thị (Pk)/<br>Indication value<br>(MPa) | Giá trị chuẩn (Pc)/<br>Reference value<br>(MPa) | Sai số/<br>Error<br>(MPa) | Kết quả/<br>Results | Độ KĐBB/<br>Uncertainty<br>(MPa) | Dung sai/<br>Tolerance<br>(MPa) |
|----------------------------|--|---|---------------------------|---------------------|----------------------------------|---------------------------------|
| Increase (+)<br>Chiều tăng | 0  | 0,000   | 0,000                     | Đạt/ Pass           | 0,61                             | ± 0,96                          |
|                            | 5  | 5,792   | -0,792                    | Đạt/ Pass           |                                  | ± 0,96                          |
|                            | 10   | 10,669  | -0,669                    | Đạt/ Pass           |                                  | ± 0,96                          |
|                            | 15   | 15,583  | -0,583                    | Đạt/ Pass           |                                  | ± 0,96                          |
|                            | 20   | 20,286  | -0,286                    | Đạt/ Pass           |                                  | ± 0,96                          |
|                            | 25   | 25,263  | -0,263                    | Đạt/ Pass           |                                  | ± 0,96                          |
|                            | 30   | 30,295  | -0,295                    | Đạt/ Pass           |                                  | ± 0,96                          |
|                            | 35   | 35,278  | -0,278                    | Đạt/ Pass           |                                  | ± 0,96                          |
|                            | 40   | 40,316  | -0,316                    | Đạt/ Pass           |                                  | ± 0,96                          |
|                            | 45   | 45,294  | -0,294                    | Đạt/ Pass           |                                  | ± 0,96                          |
|                            | 50   | 50,302  | -0,302                    | Đạt/ Pass           |                                  | ± 0,96                          |
|                            | 55   | 55,325  | -0,325                    | Đạt/ Pass           |                                  | ± 0,96                          |
|                            | 60   | 60,333  | -0,333                    | Đạt/ Pass           |                                  | ± 0,96                          |
|                            | Decrease (-)<br>Chiều giảm                         | 0   | 0,084                     | -0,084              |                                  | Đạt/ Pass                       |
| 5                          |  | 5,772   | -0,772                    | Đạt/ Pass           | ± 0,96                           |                                 |
| 10                         |  | 10,649  | -0,649                    | Đạt/ Pass           | ± 0,96                           |                                 |
| 15                         |  | 15,563  | -0,563                    | Đạt/ Pass           | ± 0,96                           |                                 |
| 20                         |  | 20,266  | -0,266                    | Đạt/ Pass           | ± 0,96                           |                                 |
| 25                         |  | 25,243  | -0,243                    | Đạt/ Pass           | ± 0,96                           |                                 |
| 30                         |  | 30,275  | -0,275                    | Đạt/ Pass           | ± 0,96                           |                                 |
| 35                         |  | 35,258  | -0,258                    | Đạt/ Pass           | ± 0,96                           |                                 |
| 40                         |  | 40,296  | -0,296                    | Đạt/ Pass           | ± 0,96                           |                                 |
| 45                         |  | 45,274  | -0,274                    | Đạt/ Pass           | ± 0,96                           |                                 |
| 50                         |  | 50,282  | -0,282                    | Đạt/ Pass           | ± 0,96                           |                                 |
| 55                         |  | 55,305  | -0,305                    | Đạt/ Pass           | ± 0,96                           |                                 |
| 60                         |  | 60,333  | -0,333                    | Đạt/ Pass           | ± 0,96                           |                                 |

MITEST-055-02 (BH 03; 15/05/2025)

Page 2/3

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-LV0725/06

**Ghi chú/ Notes :**

- a. Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, độ tin cậy P = 95%/ *The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor k = 2.00, providing a level of confidence of approximately 95 %.*
- b. Dấu " \* " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ *The " \* " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.*
- c. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ *Recommended calibration date according to customer requirements.*
- d. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ *This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.*
- e. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ *This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.*
- f. Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ *Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.*

---Hết/ End---



1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST  
*The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST*

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin  
*Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration*

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh  
 VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-LV0725/04

1. Phương tiện đo (Object): MÁY NÉN KHÔNG NỠ HÔNG (MÁY NÉN TAM LIÊN)

2. Nơi sản xuất (Manufacturer): NANJING SOIL INSTRUMENT

3. Kiểu (Type): WG Số (Serial No.): N/A ID: N/A

|  |                                       |                    |
|--|---------------------------------------|--------------------|
| 4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification): | - Áp suất tối đa (Capacity):          | (0 ÷ 1 600) kPa    |
|  | - Tỷ lệ đòn danh nghĩa (Beam ratio):  | 1/12               |
|  | - Diện tích khuôn mẫu (Mould's area): | 30 cm <sup>2</sup> |

5. Khách hàng (Customer): CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG VIỆT

Địa chỉ (Address): 146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng

6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): 146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng

7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MITEST-058

8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Mã nhận dạng<br>ID | Thông tin thiết bị<br>(Description)                                   | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|--------------------|---|----------------------------------|----------------------------|
| MT-LC10-01         | Loadcell Và Bộ Chỉ Thị 100 kN/<br>Tension Loadcell & Indicator 100 kN | VMI                              | 31/10/2025                 |

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): (18 ÷ 28) °C < 80 %RH

10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): 30/07/2025

11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Calibration recommends): 30/07/2026

12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp):

MT-LV0725/04

13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results):

Xem trang sau  
K.H.Đ: 63  
VĂN PHÒNG  
CÔNG CHỨNG  
TAM KỶ  
P. BÀN THẠCH - T

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 07 năm 2025

(Date of issue)

TP. HIỆU CHUẨN

(Head of Calibration Laboratory)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực.....10089 đến số.....03.....- SCT/BS

KT. GIÁM ĐỐC

(PP. Director)

Ngày: 12-8-2025



LÊ TUẤN TRIỀU



PGĐ. Đỗ Quang Trọng

CÔNG CHỨNG VIÊN

Hà Thị Tâm

MITEST-058-02 (BH 04; 15/05/2025)

Page 1/3

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sóng Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.):

**MT-LV0725/04**

**Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test**

| Áp suất danh nghĩa/<br>Nominal pressure<br>(kPa)                      | Giá trị lực nén quy đổi/<br>Equivalent compressive force<br>(N) | Giá trị lực chuẩn/<br>Standard force<br>(N) | Sai số/<br>Error<br>(%) | Độ KĐBĐ/<br>Uncertainty<br>(%) |
|---|---|---|-------------------------|--------------------------------|
| <b>Đòn số 1/ Beam No: 1</b>   |   |   |                         |                                |
| 12,5  | 37,540  | 37,568                                      | -0,1                    | 0,40                           |
| 25  | 75,080  | 75,051                                      | 0,0                     | 0,40                           |
| 50  | 150,042   | 149,831                                     | 0,1                     | 0,40                           |
| 100   | 300,083   | 299,519                                     | 0,2                     | 0,40                           |
| 200   | 600,167   | 599,356                                     | 0,1                     | 0,40                           |
| 300   | 900,250   | 899,234                                     | 0,1                     | 0,40                           |
| 400   | 1200,334  | 1198,738                                    | 0,1                     | 0,40                           |
| 800   | 2400,668  | 2397,564                                    | 0,1                     | 0,40                           |
| 1600  | 4801,336  | 4796,437                                    | 0,1                     | 0,40                           |
| Phương trình hiệu chuẩn/ Calibration equation: $y = 2,9977x - 0,1215$ |   |   |                         |                                |
| <b>Đòn số 2/ Beam No: 2</b>   |   |   |                         |                                |
| 12,5  | 37,540  | 37,446                                      | 0,3                     | 0,40                           |
| 25  | 75,080  | 74,624                                      | 0,6                     | 0,40                           |
| 50  | 150,042   | 149,331                                     | 0,5                     | 0,40                           |
| 100   | 300,083   | 299,749                                     | 0,1                     | 0,40                           |
| 200   | 600,167   | 600,159                                     | 0,0                     | 0,40                           |
| 300   | 900,250   | 899,175                                     | 0,1                     | 0,40                           |
| 400   | 1200,334  | 1198,244                                    | 0,2                     | 0,40                           |
| 800   | 2400,668  | 2396,430                                    | 0,2                     | 0,40                           |
| 1600  | 4801,336  | 4796,602                                    | 0,1                     | 0,40                           |
| Phương trình hiệu chuẩn/ Calibration equation: $y = 2,9976x - 0,2718$ |   |   |                         |                                |

C.  
NG  
ỨNG  
CỠ  
P.Đ.P.

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST  
 The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin  
 Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh  
 VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam  
 Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam  
 Hotline: 0914 08 18 89 Email: info@mitest.vn Website: mitest.vn

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.):

**MT-LV0725/04**

| Áp suất danh nghĩa/<br>Nominal pressure<br>(kPa)                      | Giá trị lực nén quy đổi/<br>Equivalent compressive force<br>(N) | Giá trị lực chuẩn/<br>Standard force<br>(N) | Sai số/<br>Error<br>(%) | Độ KĐBĐ/<br>Uncertainty<br>(%) |
|---|---|---|-------------------------|--------------------------------|
| <b>Đòn số 3/ Beam No: 3</b>   |   |   |                         |                                |
| 12,5  | 37,540  | 37,266                                      | 0,7                     | 0,40                           |
| 25  | 75,080  | 75,092                                      | 0,0                     | 0,40                           |
| 50  | 150,042   | 150,277                                     | -0,2                    | 0,40                           |
| 100   | 300,083   | 300,656                                     | -0,2                    | 0,40                           |
| 200   | 600,167   | 601,064                                     | -0,1                    | 0,40                           |
| 300   | 900,250   | 901,575                                     | -0,1                    | 0,40                           |
| 400   | 1200,334  | 1202,143                                    | -0,2                    | 0,40                           |
| 800   | 2400,668  | 2402,569                                    | -0,1                    | 0,40                           |
| 1600  | 4801,336  | 4803,006                                    | 0,0                     | 0,40                           |
| Phương trình hiệu chuẩn/ Calibration equation: $y = 3,0019x + 0,4884$ |   |   |                         |                                |

**Ghi chú 1/ Notes 1:**

- + y: Giá trị tính toán/Calculated value , (N)
- + x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/Reading value , (kPa)

**Ghi chú 2/ Notes 2 :**

- Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, độ tin cậy P = 95%/ The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor k = 2, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- Dấu " \* " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " \* " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

---Hết/ End---

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-LV0725/01

1. Phương tiện đo (Object): **MÁY THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN (MÁY KÉO NÉN ĐA NĂNG)**  
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **TRUNG QUỐC**  
3. Kiểu (Type): **WE-1000B** Số (Serial No.): **40736** ID: **N/A**  
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

|                                |                       |                             |               |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------------|---------------|
| Thang đo<br>(Measuring range): | <b>(0 ÷ 200) kN</b>   | Độ phân giải<br>(Division): | <b>0,5 kN</b> |
|                                | <b>(0 ÷ 500) kN</b>   |                             | <b>1 kN</b>   |
|                                | <b>(0 ÷ 1 000) kN</b> |                             | <b>2 kN</b>   |

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG VIỆT**  
Địa chỉ (Address): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**  
6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**  
7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-064**  
8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Mã nhận dạng<br>ID | Thông tin thiết bị<br>(Description)                                     | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|--------------------|---|----------------------------------|----------------------------|
| MT-LC300-01        | Loadcell Và Bộ Chi Thị 3000 kN/<br>Tension Loadcell & Indicator 3000 kN | VMI                              | 31/10/2025                 |

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(18 ÷ 28) °C** < **80 %RH**  
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **30/07/2025**  
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): **30/07/2026**  
12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-LV0725/01**  
13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): **Xem trang sau**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG NỘI DUNG BẢN GỐC  
Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 07 năm 2025

Số chứng thực: 10089 quyền số 03 - SCT/BG (Date of issue)

TP. HIỆU CHUẨN  
(Head of Calibration Laboratory)

Ngày: 12 - 8 - 2025

KT. GIÁM ĐỐC  
(PP. Director)

*(Signature)*



LÊ TUẤN TRIỀU

Hà Thị Tâm

PGD. Đỗ Quang Trọng

MITEST-064-02 (BH 04; 15/05/2025)

Page 1/3

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN (ĐK 576)**

**MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY (ĐK 576)**

Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam

Hotline: 0914 08 18 89

Email: info@mitest.vn

Website: mitest.vn



## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): **MT-LV0725/01**

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

| Giá trị chỉ thị PTĐ/<br>Nominal value<br>(kN)                         | Giá trị chuẩn/<br>Reference value<br>(kN) | Sai số tương đối/<br>Relative error<br>(%) | Độ KĐBĐ/<br>Uncertainty<br>(%) |
|---|---|--|--------------------------------|
| <b>Thang đo (Range) : (0 ÷ 200) kN</b>                                |   |  |                                |
| 0,0   | 0,000                                     | 0,00                                       | N/A                            |
| 20,0  | 20,080                                    | -0,40                                      | 1,4                            |
| 40,0  | 40,091                                    | -0,23                                      | 0,74                           |
| 60,0  | 60,148                                    | -0,25                                      | 0,50                           |
| 80,0  | 80,214                                    | -0,27                                      | 0,38                           |
| 100,0   | 100,204                                   | -0,20                                      | 0,32                           |
| 120,0   | 120,271                                   | -0,23                                      | 0,27                           |
| 140,0   | 140,291                                   | -0,21                                      | 0,24                           |
| 160,0   | 160,377                                   | -0,24                                      | 0,22                           |
| 180,0   | 180,374                                   | -0,21                                      | 0,21                           |
| Phương trình hiệu chuẩn/ Calibration equation: $y = 1,002x + 0,0299$  |   |  |                                |
| <b>Thang đo (Range) : (0 ÷ 500) kN</b>                                |   |  |                                |
| 0   | 0,000                                     | 0,00                                       | N/A                            |
| 50  | 50,371                                    | -0,74                                      | 1,2                            |
| 100   | 100,363                                   | -0,36                                      | 0,59                           |
| 150   | 150,426                                   | -0,28                                      | 0,41                           |
| 200   | 200,454                                   | -0,23                                      | 0,32                           |
| 250   | 250,593                                   | -0,24                                      | 0,26                           |
| 300   | 300,668                                   | -0,22                                      | 0,23                           |
| 350   | 350,733                                   | -0,21                                      | 0,21                           |
| 400   | 400,881                                   | -0,22                                      | 0,20                           |
| 450   | 450,951                                   | -0,21                                      | 0,20                           |
| Phương trình hiệu chuẩn/ Calibration equation: $y = 1,0016x + 0,2123$ |   |  |                                |



MITEST-064-02 (BH 04; 15/05/2025)

Page 2/3

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN (ĐK 576)**

MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY (ĐK 576)

Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam

Hotline: 0914 08 18 89

Email: info@mitest.vn

Website: mitest.vn



Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): **MT-LV0725/01**

| Giá trị chỉ thị PTĐ/<br>Nominal value<br>(kN)   | Giá trị chuẩn/<br>Reference value<br>(kN) | Sai số tương đối/<br>Relative error<br>(%) | Độ KĐBĐ/<br>Uncertainty<br>(%) |
|---|---|--|--------------------------------|
| <b>Thang đo (Range) : (0 ÷ 1 000) kN</b>  |   |  |                                |
| 0   | 0,000                                     | 0,00                                       | N/A                            |
| 100   | 100,190                                   | -0,19                                      | 1,2                            |
| 200   | 200,568                                   | -0,28                                      | 0,59                           |
| 300   | 300,643                                   | -0,21                                      | 0,41                           |
| 400   | 400,942                                   | -0,24                                      | 0,32                           |
| 500   | 500,946                                   | -0,19                                      | 0,23                           |
| 600   | 601,262                                   | -0,21                                      | 0,20                           |
| 700   | 701,361                                   | -0,19                                      | 0,20                           |
| 800   | 801,548                                   | -0,19                                      | 0,20                           |
| 900   | 901,914                                   | -0,21                                      | 0,20                           |
| <b>Phương trình hiệu chuẩn/Calibration equation : <math>y = 1,0019x + 0,0756</math></b> |   |  |                                |

**Ghi chú/ Notes :**

+ y: Giá trị tính toán/Calculated value , (kN)

'+ x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/Reading value , (kN)

a. Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, độ tin cậy P = 95%/ The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor k = 2, providing a level of confidence of approximately 95 %.

b. Dấu " \* " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " \* " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.

c. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.

d. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.

e. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.

f. Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

---Hết/ End ---

MITEST-064-02 (BH 04; 15/05/2025)

Page 3/3

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sóng Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-LV0725/02

1. Phương tiện đo (Object): **MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN (MÁY NÉN BÊ TÔNG)**  
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **TRUNG QUỐC**  
3. Kiểu (Type): **TYE-2000** Số (Serial No.): **70406** ID: **N/A**  
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

|                                |                |                             |        |
|--------------------------------|----------------|-----------------------------|--------|
| Thang đo<br>(Measuring range): | (0 ÷ 800) kN   | Độ phân giải<br>(Division): | 2,5 kN |
|                                | (0 ÷ 2 000) kN |                             | 5 kN   |

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG VIỆT**  
Địa chỉ (Address): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**  
6. Địa điểm thực hiện  
(Location of calibration): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**  
7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-064**  
8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Mã nhận dạng<br>ID | Thông tin thiết bị<br>(Description)                                     | Liên kết chuẩn<br>(Traceable to) | Hiệu lực đến<br>(Due date) |
|--------------------|---|----------------------------------|----------------------------|
| MT-LC300-01        | Loadcell Và Bộ Chỉ Thị 3000 kN/<br>Tension Loadcell & Indicator 3000 kN | VMI                              | 31/10/2025                 |

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): (18 ÷ 28) °C < 80 %RH  
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): 30/07/2025  
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): 30/07/2026  
12. Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-LV0725/02**  
13. Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): Xem trang sau

CHỨNG THỰC BẢN SAO DỰNG QUẢNG NGÃI ngày 30 tháng 07 năm 2025  
Số chứng thực 10090 83 - SCT/BS (Date of issue)  
Số chứng thực..... quyền số.....

TP. HIỆU CHUẨN  
(Head of Calibration Laboratory)

Ngày: 12 - 8 - 2025

KT. GIÁM ĐỐC  
(PP. Director)

LÊ TUẤN TRIỆU

PGĐ. Đỗ Quang Lượng

MITEST-064-02 (BH 04; 15/05/2025)

Page 1/3

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sóng Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN (ĐK 576)  
MIEN TRUNG TAY NGUYEN VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY (ĐK 576)



Địa chỉ: 97 Ngô Sĩ Liên, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam  
Address: 97 Ngo Si Lien Street, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province, Vietnam  
Hotline: 0914 08 18 89 Email: info@mitest.vn Website: mitest.vn

## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-LV0725/02

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

| Giá trị chỉ thị PTĐ/<br>Nominal value<br>(kN)                          | Giá trị chuẩn/<br>Reference value<br>(kN) | Sai số tương đối/<br>Relative error<br>(%) | Độ KĐBĐ/<br>Uncertainty<br>(%) |
|--|---|--|--------------------------------|
| <b>Thang đo (Range): (0 ÷ 800) kN</b>                                  |   |  |                                |
| 0,0  | 0,000                                     | 0,00                                       | N/A                            |
| 80,0   | 80,192                                    | -0,24                                      | 1,8                            |
| 160,0  | 160,362                                   | -0,23                                      | 0,90                           |
| 240,0  | 240,804                                   | -0,33                                      | 0,61                           |
| 320,0  | 320,104                                   | -0,03                                      | 0,45                           |
| 400,0  | 399,664                                   | 0,08                                       | 0,38                           |
| 480,0  | 479,570                                   | 0,09                                       | 0,20                           |
| 560,0  | 558,637                                   | 0,24                                       | 0,20                           |
| 640,0  | 639,156                                   | 0,13                                       | 0,20                           |
| 720,0  | 718,571                                   | 0,20                                       | 0,20                           |
| Phương trình hiệu chuẩn/ Calibration equation : $y = 0,9969x + 0,921$  |   |  |                                |
| <b>Thang đo (Range): (0 ÷ 2 000) kN</b>                                |   |  |                                |
| 0  | 0,000                                     | 0,00                                       | N/A                            |
| 200  | 198,810                                   | 0,60                                       | 0,74                           |
| 400  | 398,023                                   | 0,50                                       | 0,39                           |
| 600  | 598,454                                   | 0,26                                       | 0,27                           |
| 800  | 798,445                                   | 0,19                                       | 0,22                           |
| 1000   | 997,748                                   | 0,23                                       | 0,20                           |
| 1200   | 1198,153                                  | 0,15                                       | 0,20                           |
| 1400   | 1398,904                                  | 0,08                                       | 0,20                           |
| 1600   | 1599,056                                  | 0,06                                       | 0,20                           |
| 1800   | 1797,347                                  | 0,15                                       | 0,20                           |
| Phương trình hiệu chuẩn/ Calibration equation : $y = 0,9998x - 1,4948$ |   |  |                                |

53 -  
PHÒNG  
CHỨNG  
KIỂM  
T.P.S

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST  
The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST  
2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin  
Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration  
VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh  
VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Ghi chú/Notes:**

+ y: Giá trị tính toán/Calculated value, (kN)

+ x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/Reading value, (kN)

a. Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , độ tin cậy  $P = 95\%$ / The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor  $k = 2$ , providing a level of confidence of approximately 95 %.

b. Dấu " \* " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " \* " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.

c. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.

d. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.

e. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.

f. Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

---Hết/ End---





# GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-LV0725/12

- Phương tiện đo (Object): **CÂN KỸ THUẬT (CÂN ĐIỆN TỬ)**
- Nơi sản xuất (Manufacturer): **VIBRA SHINKO**
- Kiểu (Type): **DJ-4000TW** Số (Serial No.): **N/A** ID: **N/A**
- Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

|      |                |      |              |
|------|----------------|------|--------------|
| Max= | <b>4 000 g</b> | Min= | <b>0,5 g</b> |
| d=   | <b>0,01 g</b>  | CCX: | <b>II</b>    |

- Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG VIỆT**  
Địa chỉ (Address): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**
- Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**
- Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-003**
- Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Mã nhận dạng ID | Thông tin thiết bị (Description)                | Liên kết chuẩn (Traceable to) | Hiệu lực đến (Due date) |
|-----------------|---|-------------------------------|-------------------------|
| MT-F1-01        | Bộ Quả Cân Chuẩn F1/<br>Standard Weights Set F1 | SMEQ                          | 31/08/2025              |

- Điều kiện môi trường (Environmental conditions): **(23 ± 2) °C** **(60 ± 20) %RH**
- Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): **30/07/2025**
- Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommends): **30/07/2026**
- Tem hiệu chuẩn (Calibration stamp): **MT-LV0725/12**

- Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results): **10093,03** **2025 - SCT/BS**  
Số chứng thực.....quyển số.....  
Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 07 năm 2025

Ngày: **12-08-2025**

**TP. HIỆU CHUẨN**  
(Head of Calibration Laboratory)

**KT. GIÁM ĐỐC**  
(PP. Director)



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Hà Thị Tâm*

**PGĐ. Đỗ Quang Trọng**

**LÊ TUẤN TRIỀU**

MITEST-003-02 (BH 03; 15/05/2025)

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST  
The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin  
Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh  
VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CALIBRATION RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-LV0725/12

## 1. Kiểm tra độ lặp lại tại các mức tải/

Repeatability test @ load P

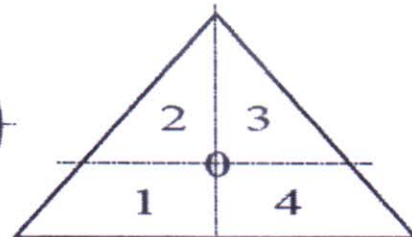
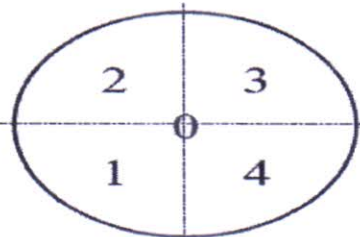
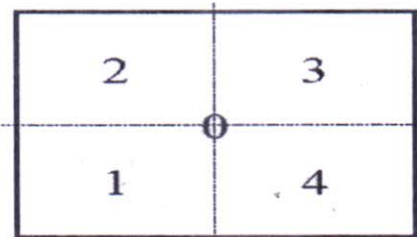
| KIỂM TRA ĐỘ LẶP LẠI |                            |                            |                            |                            |                            |                            |                            |                            |                            |                            |
|---------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| STT                 | 400 g                      |                            | 1000 g                     |                            | 2000 g                     |                            | 3000 g                     |                            | 4000 g                     |                            |
|                     | Chỉ thị/<br>Reading<br>(g) | $I_{max} - I_{min}$<br>(g) | Chỉ thị/<br>Reading<br>(g) | $I_{max} - I_{min}$<br>(g) | Chỉ thị/<br>Reading<br>(g) | $I_{max} - I_{min}$<br>(g) | Chỉ thị/<br>Reading<br>(g) | $I_{max} - I_{min}$<br>(g) | Chỉ thị/<br>Reading<br>(g) | $I_{max} - I_{min}$<br>(g) |
| 1                   | 400,00                     | 0,00                       | 1000,00                    | 0,00                       | 2000,00                    | 0,00                       | 3000,01                    | 0,00                       | 4000,01                    | 0,00                       |
| 2                   | 400,00                     |                            | 1000,00                    |                            | 2000,00                    |                            | 3000,01                    |                            | 4000,01                    |                            |
| 3                   | 400,00                     |                            | 1000,00                    |                            | 2000,00                    |                            | 3000,01                    |                            | 4000,01                    |                            |
| 4                   | 400,00                     |                            | 1000,00                    |                            | 2000,00                    |                            | 3000,01                    |                            | 4000,01                    |                            |
| 5                   | 400,00                     |                            | 1000,00                    |                            | 2000,00                    |                            | 3000,01                    |                            | 4000,01                    |                            |
| 6                   | 400,00                     |                            | 1000,00                    |                            | 2000,00                    |                            | 3000,01                    |                            | 4000,01                    |                            |

## 2. Kiểm tra độ lệch tâm của cân tại mức tải = 1300 g

Eccentricity test @ load P= 1300 g

| Vị trí | Chỉ thị/<br>Reading<br>(g) | Sai lệch/<br>Error<br>(g) | $abs(I_i - I_G)$<br>(g) | $ \Delta I_{Ecc} _{max}$<br>(g) |
|--------|----------------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------------------|
| 0      | 1300,00                    | 0,00                      |                         | 0,00                            |
| 1      | 1300,00                    | 0,00                      | 0,00                    |                                 |
| 2      | 1300,00                    | 0,00                      | 0,00                    |                                 |
| 3      | 1300,00                    | 0,00                      | 0,00                    |                                 |
| 4      | 1300,00                    | 0,00                      | 0,00                    |                                 |

- C.T.  
 HỒNG  
 CHỨNG  
 1 KỶ  
 T.T.P.E



1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.): MT-LV0725/12

3. Kiểm tra độ đúng/ Weighing test

| STT | Giá trị qui ước chuẩn /<br>Standard convention value<br>(g) | Chỉ thị trung bình trên cân/<br>Reading average value<br>(g) | Sai số/<br>Error<br>(g) | Độ KĐBĐ/<br>Uncertainty<br>(g) |
|-----|---|--|-------------------------|--------------------------------|
| 1   | 0,500037  | 0,50   | 0,00                    | 0,0086                         |
| 2   | 400,00014   | 400,00   | 0,00                    | 0,0084                         |
| 3   | 1000,0020   | 1000,00  | 0,00                    | 0,016                          |
| 4   | 2000,0040   | 2000,00  | 0,00                    | 0,038                          |
| 5   | 3000,0060   | 3000,01  | 0,00                    | 0,038                          |
| 6   | 4000,0040   | 4000,01  | 0,01                    | 0,049                          |

Ghi chú/ Notes :

- a. Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, độ tin cậy P = 95%/ The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor k = 2, providing a level of confidence of approximately 95 %.
- b. Dấu " \* " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " \* " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.
- c. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.
- d. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used to quantify goods, services in purchase and sale, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, assessment and in other official activities.
- e. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.
- f. Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

--- Hết/ End ---

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Số (No.): MT-LV0725/05

1. Phương tiện đo (Object): **BỘ KÍCH THỦY LỰC VÀ ĐỒNG HỒ ÁP SUẤT**  
2. Nơi sản xuất (Manufacturer): **VIỆT NAM**  
3. Kiểu (Type): **KN-300-150** Số (Serial No.): **0812081** ID: **N/A**  
4. Đặc trưng kỹ thuật (Technical specification):

|   |                                 |              |
|---|---------------------------------|--------------|
| Giá trị thang đo danh nghĩa lớn nhất (Maximum nominal scale value): | (0 ÷ 3 000)                     | kN           |
| Đồng hồ áp suất (Pressure gauge):                                   | - Phạm vi đo (Range):           | (0 ÷ 60) MPa |
|   | - Giá trị vạch chia (Division): | 1 MPa        |
|   | - Số hiệu (Number):             | 01830127     |

5. Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG VIỆT**  
Địa chỉ (Address): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**  
6. Địa điểm thực hiện (Location of calibration): **146 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng**  
7. Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **MITEST-058**  
8. Chuẩn được sử dụng (Standards used):

| Mã nhận dạng ID | Thông tin thiết bị (Description)                                       | Liên kết chuẩn (Traceable to) | Hiệu lực đến (Due date) |
|-----------------|--|-------------------------------|-------------------------|
| MT-LC500-01     | Loadcell Và Bộ Chỉ Thị 500 kN/<br>Tension Loadcell & Indicator 5000 kN | VMI                           | 31/10/2025              |

9. Điều kiện môi trường (Environmental conditions): (18 ÷ 28) °C < 80 %RH  
10. Ngày hiệu chuẩn (Calibration date): 30/07/2025  
11. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị (Recalibration recommended): 30/07/2026  
12. Tem hiệu chuẩn (Stampe calibration): **MT-LV0725/05**  
13. Kết quả hiệu chuẩn (Results calibration): Xem trang sau

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 07 năm 2025

TP. HIỆU CHUẨN  
(Head of calibration laboratory)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 10085... quyền sở hữu: SCT/BS

KT. GIÁM ĐỐC  
(PP. Director)

Ngày: 12-8-2025

LÊ TUẤN TRIỀU

MITEST-058-02 (BH 04; 15/05/2025)



PGĐ. Đỗ Quang Cường

CÔNG CHỨNG VIỆN  
Hà Thị Cẩm

Page 1/2

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(CERTIFICATE RESULTS)

Kèm theo giấy chứng nhận số (Attached to certificate No.):

MT-LV0725/05

Kiểm tra độ chính xác/ Accuracy test

| Giá trị đọc trên phương tiện đo/<br>Reading on tester<br>(MPa) | Giá trị trung bình đọc trên<br>phương tiện chuẩn/<br>Average reading on equipment<br>(kN) | Độ KĐBĐ/<br>Uncertainty<br>(%) |
|--|---|--------------------------------|
| 0  | 0,000   | -                              |
| 5  | 258,495   | 2,2                            |
| 10   | 513,239   | 1,1                            |
| 15   | 750,323   | 0,78                           |
| 20   | 992,988   | 0,60                           |
| 25   | 1236,805  | 0,48                           |
| 30   | 1489,995  | 0,41                           |
| 35   | 1748,219  | 0,40                           |
| 40   | 2001,451  | 0,40                           |
| 45   | 2248,885  | 0,40                           |
| 50   | 2498,492  | 0,40                           |

Phương trình hiệu chuẩn/Calibration equation :  $y = 49,7988x + 4,4221$

**Ghi chú/ Notes :**

+ y: Giá trị tính toán/Calculated value , (kN)

+ x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/Reading value , (MPa)

a. Kết quả độ không đảm bảo đo được dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, độ tin cậy P = 95%/ The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor k = 2, providing a level of confidence of approximately 95 %.

b. Dấu " \* " là phép thử chưa được công nhận ISO 17025: 2017/ The " \* " is an unaccredited test ISO 17025: 2017.

c. Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị theo yêu cầu của khách hàng/ Recommended calibration date according to customer requirements.

d. Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp dựa trên NSX, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity assessment are based on Maker, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

e. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/This measuring instrument is not used directly to inspection measuring instrument group 2.

f. Dung sai được sử dụng để đánh giá sự phù hợp (nếu có) dựa trên NSX hoặc do khách hàng cung cấp, quy tắc ra quyết định dựa trên Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8/ Tolerances used for conformity (if any) assessment are based on Maker or provided by the customer, decision making rules based on Binary Statement for Simple Acceptance Rule ILAC-G8.

---Hết/ End---

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MITEST

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only. This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of MITEST

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@mitest.vn để biết thêm thông tin

Please contact on the email info@mitest.vn for further information about certificate of calibration

VP đại diện Miền Nam: 714 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

VP đại diện Miền Bắc: Phòng 606, nhà CT9, Khu đô thị mới Sông Đà - Mỹ Đình, đường Trần Văn Lai, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội